| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số: 38/2021/HC-PT
Ngày: 26/01/2021
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phan Thanh Tùng

*Các Thẩm phán*: Ông Trần Văn Mười

Ông Nguyễn Đắc Minh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: ông Nguyễn Kim Đoạn, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 102/2020/TLPT-HC ngày 03/02/2020 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*";

Do bản án hành chính sơ thẩm số 87/2019/HC-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2021/QĐ-PT ngày 07/01/2021, giữa các đương sự:

*1. Người khởi kiện:*

Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1941 (vắng mặt);

Địa chỉ: thôn 6, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu.

*Người đại diện của ông Nguyễn Văn G (văn bản ủy quyền ghi ngày 25/04/2019, có sự chứng thực của UBND xã L, thành phố Vũng Tàu):*

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: 15 đường T, phường 9, thành phố V, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu.

*2. Người bị kiện:*

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt do đương sự có văn bản ghi ngày 18/01/2021 yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: 89 đường L, phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện*:

Bà Nguyễn Thị Phương T, là chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt);

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt do đương sự có văn bản ghi ngày 18/01/2021 yêu cầu xét xử vắng măt);

Địa chỉ: 89 đường L, phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

*4. Người kháng cáo:*

Ông Nguyễn Văn G, là người khởi kiện.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G được xác định như sau:*

Vào năm 1991, bà Nguyễn Thị H canh tác diện tích khoảng hơn 50.000 $m^2$ đất (trong đó có khoảng 20.000 $m^2$ đất do tập đoàn Muối số 1, trảng Cây Đu giao để canh tác; phần diện tích còn lại do gia đình bà H tự khai phá) thuộc các thửa 119, 122, 123, 124 và 125 tờ bản đồ số 14 xã L, thành phố Vũng Tàu.

Đến năm 1995, bà Nguyễn Thị H chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nói trên cho ông Nguyễn Văn G; giao dịch giữa hai bên xác lập bằng giấy viết tay, được tập đoàn trưởng tập đoàn Muối số 1 và Ban điều hành thôn xác nhận. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông Nguyễn Văn G tiến hành tôn tạo bờ bao kiên cố và làm muối.

Vào năm 2009, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành quyết định số 01/QĐ-UBND thu hồi đất để thực hiện dự án lọc hóa dầu Long Sơn; đến năm 2010 thì UBND tiến hành kiểm kê, xác minh nguồn gốc đất và cũng từ đó, không cho người dân dùng phương tiện cơ giới để gia cố bờ bao, làm cho diện tích đất hợp pháp của gia đình ông G bị xâm thực mất đất. Vì vậy, UBND thành phố V chỉ thu hồi và bồi thường cho ông G phần đất có diện tích 16.110,3 $m^2$; phần đất còn lại thì không thu hồi và bồi thường.

Ngày 19/08/2016, UBND thành phố Vũng Tàu ban hành văn bản số 3530/UBND-TNMT trả lời đơn khiếu nại của ông G về việc đề nghị UBND thành phố V xem xét thu hồi bổ sung diện tích 17.262,7 $m^2$ đất còn thiếu so với bản đồ địa chính năm 1995 do đất bị xâm thực.

Ngày 05/07/2018, UBND thành phố V ban hành quyết định số 5197/QĐ-UBND (quyết định số 5197), bác khiếu nại của ông G đối với văn bản số 3530/UBND-TNMT ngày 19/08/2016 của UBND thành phố Vũng Tàu.

Vào ngày 25/04/2019, ông G nộp đơn khởi kiện, yêu cầu hủy quyết định số 5197/QĐ-UBND ngày 05/07/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V với lý do như sau:

- Gia đình ông G sử dụng đất thực tế và có đăng ký trong sổ địa chính năm 1995 với diện tích hơn 34.373 $m^2$. Tại thời điểm thu hồi đất theo quyết định số 01 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, diện tích vẫn ghi nhận là 34.373 $m^2$.

Kể từ khi ban hành quyết định 01/QĐ-UBNĐ ngày 05/01/2009, cho đến ngày 29/05/2014 UBND thành phố V ban hành quyết định số 1698/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất là 16.110,3 $m^2$ của gia đình ông G, thì diện tích đất còn lại là 17.262,7 $m^2$ vẫn không được thu hồi và không được bồi thường.

Theo biên bản kiểm tra tại thực địa ngày 21/12/2017 (thể hiện tại trang 2 của quyết định 5197/QĐ-UBND ngày 05/07/2018 của UBND thành phố V và theo trình bày của người dân) thì diện tích 17.262,7 $m^2$ là phần đất bãi sình lầy tại cửa biển, các hộ dân nuôi hàu theo hình thức quảng canh tự nhiên.

*Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, UBND thành phố V, Chủ tịch UBND thành phố V trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông G, như sau*:

Theo hồ sơ địa chính lập năm 1994, có thửa đất số 119, 122, 123, 124, 125 thuộc tờ bản đồ địa chính số 14 với diện tích 34.373 $m^2$ tọa lạc tại thôn 3 rạch Già, xã Long Sơn nằm trong phần diện tích đất của tập đoàn muối Trảng Cây đu. Phần diện tích này, tập đoàn cấp cho bà Nguyễn Thị H. Đến năm 1995, bà H chuyển nhượng bằng giấy viết tay (không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận) cho ông Nguyễn Văn G. Vào ngày 26/07/2010, UBND xã L lập biên bản xác minh nguồn gốc đất của ông G, diện tích 34.373,0 $m^2$ đất nuôi trồng thủy sản + làm muối như nội dung nói trên

Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất, tỷ lệ 1/2000, số TH01-VT-09/BĐ-ĐC (gồm 06 tờ: tờ 01, tờ 02, tờ 03, tờ 04, tờ 05, tờ 06) được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xác nhận vào ngày 31/12/2008 (đính kèm quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thu hồi 13.461.784,4 $m^2$ đất tại xã Long S, thành phố Vũng Tàu để đầu tư xây dựng khu Công nghiệp Dầu khí Long S), thì diện tích đất thu hồi được hỗ trợ của hộ ông Nguyễn Văn G gồm: 16.110,3 $m^2$ đất làm muối và nuôi trồng thủy sản thuộc đất của tập đoàn muối số 01 trảng Cây Đu (đất do Nhà nước quản lý).

UBND thành phố V đã ban hành quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 29/05/2014 thu hồi 16.110,3 $m^2$ đất tại xã L, thành phố V do ông Nguyễn Văn Giác đang sử dụng để thực hiện dự án tổ hợp Hóa dầu Miền Nam tại xã L, thành phố V; các quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 18/6/2014 và quyết định số 4434/QĐ-UBND ngày 10/11/2014; quyết định số 4255/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và bồi thường hỗ trợ bổ sung cho ông (bà) Nguyễn Văn G; diện tích hỗ trợ là 16.110,3 $m^2$ theo quyết định thu hồi đất.

Ngày 12/02/2015, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành quyết định số 765/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn G đối với quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND thành phố V.

- Kết quả kiểm tra thực địa, đối chiếu với hồ sơ địa chính: diện tích thu hồi 16.110,3 $m^2$ đã thực hiện bồi thường, hỗ trợ, thuộc thửa 611 + 612 + 621, bản đồ thu hồi đất. Đối chiếu bản đồ năm 1995 thì thuộc diện tích 34.373,0 $m^2$ đăng ký, thửa 122 Hg, Thửa 123, Thửa 124Đg, thửa 125 Ao, thửa 119 Đg. Tuy nhiên, UBND xã L xác nhận là đất muối và nuôi trồng thủy sản nhưng diện tích còn lại 17.262,7 $m^2$ nêu trên không có trong bản đồ thu hồi đất (lập ngày 31/12/2008), không có ranh giới đất ngoài thực địa, hiện trạng là bãi lầy, không có bờ, nên không có trong bản đồ thu hồi đất; phần đất này thuộc sông rạch.

Vào ngày 21/12/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V chủ trì, phối hợp với UBND xã L, Trung tâm phát triển quỹ đất, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu và các hộ gia đình, cá nhân cùng với luật sư Nguyễn C đại diện cho các hộ, đã tiến hành kiểm tra tại thực địa (có biên bản kiểm tra hiện trạng). Các đơn vị tham dự kiểm tra và cá nhân các ông Mai Văn K đại diện cho hộ ông Nguyễn Văn G, đã ký biên bản; ông Nguyễn C đại diện bà P và các hộ Dương Văn H, Hồ Văn K không ký biên bản với lý do cho rằng các đơn vị không đo đạc phục hồi theo bản đồ địa chính năm 1995.

Kết quả kiểm tra tại thời điểm nước cạn kiệt, thể hiện diện tích khu đất gồm 02 phần:

- Phần đất đã được kiểm kê bồi thường cho các hộ có ranh giới, bờ bao rõ ràng, có thể hiện trên bản đồ thu hồi đất.

- Phần diện tích đất các hộ đề nghị thu hồi bổ sung nằm ngoài bờ đê bao, từ phía bờ đê ra phía biển, trên đất chỉ là bãi lầy, không có ranh giới bờ bao. Hiện trạng có 1 số chỗ có cây đước, mắm, cây dại trên dải đất giáp bờ bao, chỗ rộng nhất khoảng 10 m (thuộc khu đất ông G đề nghị), chiều dài khoảng 50 m, không kéo dài theo bờ bao. Diện tích còn lại là bãi sinh lầy, trên đó có 1 số hộ đang nuôi hào (theo trình bày của các hộ dân) theo hình thức quảng canh tự nhiên.

Theo các hộ trình bày, diện tích này trước làm đùng để lấy nước dự trữ vào ruộng muối. Vào năm 2008, do có thông báo thu hồi nên các hộ không tiếp tục tu bổ; khi kiểm kê đền bù không thì có trên bản đồ nên đoàn kiểm kê không kiểm kê. Khi kiểm tra thực địa thì không có bờ ranh, chỉ là bãi sinh lầy nên không có cơ sở là đất đùng lấy nước dự trữ vào ruộng muối, nên không có cơ sở đo đạc theo đề nghị của các hộ. Đoàn kiểm tra thống nhất lập biên bản ghi nhận hiện trạng.

Ngày 15/01/2018, tại biên bản làm việc với Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V, đại diện công ty TNHH Điền Lộc K (đơn vị đo đạc) cho biết rằng tại thời điểm đo đạc bản đồ thu hồi đất kèm theo quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hiện

trạng không có ranh thửa đất, chỉ có đất sình lầy do đó đơn vị chỉ đo các phần thửa đất có ranh thửa.

Ngày 02/4/2017, thực hiện ủy quyền của UBND thành phố V, phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V tổ chức đối thoại với các hộ, kết quả như sau:

- Bà Lê Thị P là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn G (theo văn bản cử người đại diện lập ngày 23/11/2016) không đồng ý và tiếp tục đề nghị xem xét thu hồi, bồi thường phần diện tích còn thiếu, trường hợp không thu hồi thì trả lại cho người dân tiếp tục sử dụng.

- Ý kiến các thành viên dự đối thoại: đề nghị UBND xã L có văn bản nói rõ về việc có sự khác nhau giữa tài liệu mà UBND xã L xác nhận về diện tích đất sử dụng (tại danh sách điều tra cơ bản ban đầu đính kèm quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu) với nội dung xác nhận tại các biên bản xác minh do UBND xã L lập cho 05 hộ dân.

Sau đó, UBND xã L có văn bản số 90/UBND-ĐC ngày 04/04/2017 giải thích lại về các trường hợp đất của hộ dân bị biển xâm thực; văn bản số 233/UBND-ĐC ngày 03/8/2017 phúc đáp nội dung văn bản số 3331/UBND – TNMT ngày 13/6/2017 của UBND thành phố V; báo cáo số 326/BC-ĐC ngày 18/6/2018. Tại các văn bản vừa nêu ra, UBND xã L xác định sự việc như sau:

- Việc UBND xã L xác nhận vào danh sách điều tra cơ bản ban đầu về chủ sử dụng đất và diện tích đất, là do đơn vị tư vấn lập bản đồ thu hồi đất trên cơ sở đi đo đạc thực tế, đã được các cơ quan có thẩm quyền xác nhận; đây cũng là cơ sở để UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2009.

- Việc UBND xã L lập biên bản xác minh nguồn gốc cho 05 hộ dân nhưng có sự khác nhau về diện tích tại danh sách điều tra cơ bản ban đầu về chủ sử dụng đất, là do cán bộ địa chính chỉ căn cứ vào giải thửa bản đồ địa chính được lập năm 1995 và sổ mục kê đăng ký tại địa phương của các hộ dân này để tham mưu cho UBND xã L xác nhận mà không đi kiểm tra thực địa. Do đó, việc xác nhận của UBND xã L về nguồn gốc đất năm 2010, là không phù hợp hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm đo đạc bản đồ thu hồi đất năm 2008 và thời điểm thu hồi đất năm 2014.

- UBND xã Long S không xác định được thời điểm đất của các hộ dân bị biển xâm thực. Tuy nhiên, tại biên bản kiểm kê về nhà cửa, hoa màu, cây trái và vật kiến trúc do Trung tâm phát triển quỹ đất chủ trì, phối hợp với các ban ngành có liên quan lập tại thực địa đối với hộ ông Nguyễn Văn G, ttại thời điểm kiểm kê, diện tích đất ghi nhận tại biên bản là trùng khớp với diện tích tại danh sách điều tra cơ bản ban đầu về chủ sử dụng đất.

- Ngày 18/4/2018, Chủ tịch UBND thành phố đã tổ chức mời đối thoại với 5 hộ dân (bà Lê Thị P vắng mặt không rõ lý do); buổi đối thoại có mặt đại diện 4 hộ dân. Sau khi nghe các hộ dân có mặt trình bày, ý kiến phát biểu của ông Huỳnh Công V (cán bộ địa chính xác nhận vào biên bản xác minh nguồn gốc đất

năm 2010) và ý kiến của các cơ quan liên quan, Chủ tịch UBND thành phố đã kết luận: năm 2008, khi tiến hành đo vẽ lập hồ sơ bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc dự án Tổ hợp hóa dầu Miền Nam tại xã L, thành phố V, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND tỉnh ban hành quyết định thu hồi đất thực hiện dự án. Theo kết quả thẩm định, toàn bộ ranh giới các thửa đất đều được thể hiện trong bản đồ thu hồi đất của dự án; các thửa đất khiếu nại không có trên thực địa không được thể hiện trên bản đồ thu hồi đất. Từ năm 2011 đến năm 2013, UBND thành phố V tiến hành lập biên bản kiểm kê; tất cả hộ dân có đất thu hồi thuộc dự án, đều ký xác nhận vào biên bản kiểm kê phần diện tích đất thu hồi thuộc dự án của toàn khu vực này; toàn bộ diện tích đất thực địa đúng với tổng diện tích đất thu hồi theo bản đồ thu hồi đất trước đây. Từ thời điểm đó đến nay, người dân vẫn canh tác (diêm nghiệp) trên phần đất đã có quyết định thu hồi để thực hiện dự án.

Việc UBND xã L lập biên bản xác minh nguồn gốc đất cho 05 hộ dân có sự khác nhau về diện tích với danh sách điều tra cơ bản ban đầu, là do chỉ căn cứ vào giải thửa bản đồ địa chính lập năm 1995 và sổ mục kê đăng ký tại địa phương của hộ dân mà không tổ chức xác minh thực địa. Do đó, việc xác nhận của UBND xã về nguồn gốc đất là không phù hợp hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm thu hồi. Trên cơ sở đó, UBND thành phố V đã kết luận rằng ý kiến của người dân về việc bồi thường thiếu đất, là không có cơ sở để xem xét, giải quyết (theo thông báo số 2734/TB-UBND ngày 22/5/2018).

Căn cứ kết quả kiểm tra thực địa, đối chiếu với hồ sơ địa chính, bản đồ thu hồi đất, biên bản kiểm kê: diện tích còn lại của các thửa đất nêu trên không có trong bản đồ thu hồi đất (lập ngày 31/12/2008), không có ranh giới đất ngoài thực địa, hiện trạng là bãi lầy. Khi đo đạc thu hồi hiện trạng là bãi lầy do đó không có trong bản đồ thu hồi đất.

Nội dung tại các văn bản của UBND thành phố V về việc trả lời đơn kiến nghị trước đây của ông Nguyễn Văn G là đúng với quy định tại Điều 47 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ (có hiệu lực tại thời điểm UBND thành phố V ban hành quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 29/05/2014 về thu hồi đất của ông Nguyễn Văn G) quy định về bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất, cụ thể: "*Trường hợp thu hồi đất mà diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thì được bồi thường theo quy định sau: Nếu diện tích đo đạc thực tế nhỏ hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế*" (nay được quy định tại Điều 12 và 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

Như vậy, theo kết luận của UBND xã L, thành phố V, Kết luận của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Phần diện tích chênh lệch giảm là do trong quá trình canh tác bị biển xâm thực, nội dung kiến nghị của hộ ông Nguyễn Văn G về việc đề nghị UBND thành phố V ban hành Quyết định thu hồi diện tích đất còn lại là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Với những ý kiến nói trên, người bị kiện đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông G.

*Tại bản án hành chính sơ thẩm số 87/2019/HC-ST ngày 29/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quyết định như sau:*

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G đòi hủy quyết định số 5197/QĐ-UBND ngày 05/07/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/11/2019, ông Nguyễn Văn G có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự trình bày ý kiến như sau:

-Ông Nguyễn Văn G, do ông Nguyễn Văn C làm đại diện, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nói trên;

- Người bảo vệ quyền lợi của người bị kiện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn G, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

- Những đương sự tham gia tố tụng khác vắng mặt nhưng cho đến phiên tòa ngày hôm nay, họ không có văn bản thay đổi những ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án và đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng thủ tục tố tụng;

- Về nội dung giải quyết vụ án:

Theo sổ mục kê năm 1998, phần đất thuộc các thửa 119, 122, 123, 124 và 125 tờ bản đồ số 14 xã L, thành phố V có diện tích vào khoảng 34.000 $m^2$ do bà Nguyễn Thị H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn G nhưng giao dịch giữa hai bên là giao dịch không hợp pháp, không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận.

Theo các tài liệu, chứng cứ của vụ án, thì chỉ có căn cứ xác định rằng ông Nguyễn Văn Giác sử dụng diện tích đất 16.110 $m^2$ đất tại các thửa đất số 119, 122, 123, 124, 125 thuộc tờ bản đồ địa chính số 14 tọa lạc tại thôn 3, rạch G, xã L; diện tích này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi và bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn G theo quy định của pháp luật. Đối với diện tích đất 17.000 $m^2$ còn lại mà ông Nguyễn Văn G yêu cầu Nhà nước thu hồi và bồi thường cho đương sự, kết quả xác minh tại thực địa cho thấy đây là diện tích đất nằm ngoài ranh giới thu hồi, không có bờ bao, không có ranh giới để xác định rõ ràng, chỉ là diện tích bãi bồi, sình lầy. Vì vậy, UBND thành phố V không ra quyết định thu hồi đất và không bồi thường đối với hộ ông Nguyễn Văn G, là đúng pháp luật.

Với những ý kiến nói trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo hồ sơ địa chính lập vào năm 1994, các thửa đất số 119, 122, 123, 124, 125 thuộc tờ bản đồ địa chính số 14 với diện tích 34.373 $m^2$ tọa lạc tại thôn 3 Rạch G, xã L nằm trong phần diện tích đất của tập đoàn muối trảng C. Phần diện tích này, tập đoàn cấp cho bà Nguyễn Thị H. Đến năm 1995, bà Nguyễn Thị H chuyển nhượng bằng giấy viết tay (không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận) cho ông Nguyễn Văn G.

Vào ngày 26/07/2010, UBND xã L lập biên bản xác minh nguồn gốc đất của ông G, diện tích 34.373,0 $m^2$ đất nuôi trồng thủy sản + làm muối như nội dung nói trên.

[2]Theo bản trích đo bản đồ địa chính khu đất, tỷ lệ 1/2000, số TH01-VT-09/BĐ-ĐC (gồm 06 tờ: tờ 01, tờ 02, tờ 03, tờ 04, tờ 05, tờ 06) được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xác nhận vào ngày 31/12/2008 (đính kèm quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thu hồi 13.461.784,4 $m^2$ đất tại xã L, thành phố V để đầu tư xây dựng khu Công nghiệp Dầu khí L), thì diện tích đất thu hồi được hỗ trợ của hộ ông Nguyễn Văn G gồm có 16.110,3 $m^2$ đất làm muối và nuôi trồng thủy sản thuộc đất của tập đoàn muối số 01 trảng C (đất do Nhà nước quản lý).

UBND thành phố V đã ban hành quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 29/05/2014 thu hồi 16.110,3 $m^2$ đất tại xã L, thành phố V do ông Nguyễn Văn G đang sử dụng để thực hiện dự án tổ hợp hóa dầu Miền Nam tại xã L, thành phố Vũng Tàu; các quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 18/6/2014 và quyết định số 4434/QĐ-UBND ngày 10/11/2014; quyết định số 4255/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và bồi thường hỗ trợ bổ sung cho ông (bà) Nguyễn Văn G; diện tích hỗ trợ là 16.110,3 $m^2$ theo quyết định thu hồi đất.

Theo kết quả kiểm tra thực địa, đối chiếu với hồ sơ địa chính thì có căn cứ xác định rằng diện tích đất của ông Nguyễn Văn G bị thu hồi là 16.110,3 $m^2$, đã thực hiện bồi thường, hỗ trợ, thuộc thửa 611 + 612 + 621, bản đồ thu hồi đất. Đối chiếu bản đồ năm 1995 thì thuộc diện tích 34.373,0 $m^2$ đăng ký, thửa 122 Hg, Thửa 123, Thửa 124Đg, thửa 125 Ao, thửa 119 Đg. Tuy nhiên, UBND xã L xác nhận là đất muối và nuôi trồng thủy sản nhưng diện tích còn lại 17.262,7 $m^2$ nêu trên không có trong bản đồ thu hồi đất (lập ngày 31/12/2008), không có ranh giới đất ngoài thực địa, hiện trạng là bãi lầy, không có bờ, nên không có trong bản đồ thu hồi đất; phần đất này thuộc sông rạch.

Do có khiếu nại của ông Nguyễn Văn G, vào ngày 21/12/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V chủ trì, phối hợp với UBND xã Long S, Trung tâm phát triển quỹ đất, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố

Vũng T và các hộ gia đình, cá nhân cùng với luật sư Nguyễn C đại diện cho các hộ, đã tiến hành kiểm tra tại thực địa (có biên bản kiểm tra hiện trạng). Các đơn vị tham dự kiểm tra và cá nhân các ông Mai Văn K đại diện cho hộ ông Nguyễn Văn G, đã ký biên bản; ông Nguyễn C đại diện bà P và các hộ Dương Văn H, Hồ Văn K không ký biên bản với lý do cho rằng các đơn vị không đo đạc phục hồi theo bản đồ địa chính năm 1995. Kết quả kiểm tra tại thời điểm nước cạn kiệt, thể hiện diện tích khu đất gồm 02 phần như sau:

- Phần đất đã được kiểm kê bồi thường cho các hộ có ranh giới, bờ bao rõ ràng, có thể hiện trên bản đồ thu hồi đất.

- Phần diện tích đất các hộ đề nghị thu hồi bổ sung nằm ngoài bờ đê bao, từ phía bờ đê ra phía biển, trên đất chỉ là bãi lầy, không có ranh giới bờ bao. Hiện trạng có 1 số chỗ có cây đước, mắm, cây dại trên dải đất giáp bờ bao, chỗ rộng nhất khoảng 10 m (thuộc khu đất mà ông Nguyễn Văn G đề nghị thu hồi và bồi thường cho đương sự), chiều dài khoảng 50 m, không kéo dài theo bờ bao. Diện tích còn lại là bãi sinh lầy, trên đó có 1 số hộ đang nuôi hào (theo trình bày của các hộ dân) theo hình thức quảng canh tự nhiên.

[3]Về phía địa phương, UBND xã L đã có văn bản số 90/UBND-ĐC ngày 04/04/2017 báo cáo lại về các trường hợp bị biển xâm thực; văn bản số 233/UBND-ĐC ngày 03/08/2017 phúc đáp nội dung Văn bản số 3331/UBND – TNMT ngày 13/6/2017 của UBND thành phố V; báo cáo số 326/BC-ĐC ngày 18/6/2018. Tại các văn bản nêu trên, UBND xã L xác định như sau:

- Việc UBND xã xác nhận vào danh sách điều tra cơ bản ban đầu về chủ sử dụng đất và diện tích là do đơn vị tư vấn lập bản đồ thu hồi đất trên cơ sở đi đo đạc thực tế, đã được các cơ quan có thẩm quyền xác nhận, đây cũng là cơ sở để UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2009;

- Việc UBND xã lập biên bản xác minh nguồn gốc cho 05 hộ dân có sự khác nhau về diện tích với danh sách điều tra cơ bản ban đầu về chủ sử dụng đất là do cán bộ địa chính chỉ căn cứ vào giải thửa bản đồ địa chính được lập năm 1995 và sổ mục kê đăng ký tại địa phương của các hộ dân để tham mưu UBND xã xác nhận, không đi kiểm tra thực địa. Do đó, việc xác nhận của UBND xã về nguồn gốc đất năm 2010 không phù hợp hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm đo đạc bản đồ thu hồi đất năm 2008 và thời điểm thu hồi đất năm 2014;

- Thời điểm đất của các hộ dân bị biển xâm thực UBND xã không xác định được. Tuy nhiên, tại biên bản kiểm kê về nhà cửa, hoa màu, cây trái và vật kiến trúc do Trung tâm phát triển quỹ đất chủ trì phối hợp với các ban ngành có liên quan lập tại thực địa đối với hộ ông Nguyễn Văn G, thời điểm kiểm kê diện tích đất ghi nhận tại biên bản trùng khớp với diện tích tại danh sách điều tra cơ bản ban đầu về chủ sử dụng đất;

- Việc UBND xã L lập Biên bản xác minh nguồn gốc đất cho 05 hộ dân có sự khác nhau về diện tích với danh sách điều tra cơ bản ban đầu, chỉ căn cứ vào giải thửa bản đồ địa chính lập năm 1995 và sổ mục kê đăng ký tại địa

phương của hộ dân, không tổ chức xác minh thực địa. Do đó, việc xác nhận của UBND xã về nguồn gốc đất không phù hợp hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm thu hồi là không đúng với hiện trạng sử dụng đất là không đúng quy định của pháp luật. Từ hồ sơ pháp lý, xử lý, xác nhận không đúng của UBND xã, UBND thành phố kết luận: ý kiến của người dân về việc bồi thường thiếu đất là không có cơ sở để xem xét, giải quyết (theo thông báo số 2734/TB-UBND ngày 22/5/2018).

- Như vậy, căn cứ kết quả kiểm tra thực địa, đối chiếu với hồ sơ địa chính, bản đồ thu hồi đất, biên bản kiểm kê: diện tích còn lại của các thửa đất nêu trên không có trong bản đồ thu hồi đất (lập ngày 31/12/2008), không có ranh giới đất ngoài thực địa, hiện trạng là bãi lầy. Khi đo đạc thu hồi hiện trạng là bãi lầy do đó không có trong bản đồ thu hồi đất.

[4]Với những tài liệu, chứng cứ viện dẫn và phân tích nói trên, thì có căn cứ xác định rằng yêu cầu của ông Nguyễn Văn G đòi UBND thành phố V ra quyết định thu hồi bổ sung diện tích 17.262,7 $m^2$ đất còn thiếu tại xã L, thành phố V, là không có căn cứ pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G, là có căn cứ pháp luật.

Ông Nguyễn Văn G kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không có tình tiết, chứng cứ gì mới, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ Điều 203; Điều 220; Điều 241; Điều 242 của Luật tố tụng Hành chính năm 2015;*

1/Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn G; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 87/2019/HC-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2/Về án phí phúc thẩm: miễn án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn G do đương sự là người cao tuổi (đương sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm miễn án phí sơ thẩm và miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
– Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSNDCC tại TP.HCM;
– TAND tỉnh BR-VT;
– Cục THADS tỉnh BR-VT;
– Các đương sự;
– Lưu: hồ sơ,VP, (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thanh Tùng**